

GIỚI THIỆU
DANH MỤC THAM CHIẾU VÀ
DANH MỤC KIỂM TRA
PHỤC VỤ CHO QUY TRÌNH
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG
XÃ HỘI VÀ GIỚI CỦA
BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI

NGUYỄN HƯNG QUANG

7/2021



NỘI DUNG CHÍNH

1

Danh mục tham chiếu phục vụ cho quy trình đánh giá tác động xã hội và giới của Bộ LĐTBXH (“Danh mục tham chiếu”)

2

Danh mục kiểm tra nội dung đánh giá tác động xã hội và giới trong Báo cáo đánh giá tác động của chính sách (“Danh mục kiểm tra”)

3

Case study áp dụng Danh mục kiểm tra



PHẦN I - DANH MỤC THAM CHIẾU

DANH MỤC THAM CHIẾU

PHỤC VỤ CHO QUY TRÌNH
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG
XÃ HỘI VÀ GIỚI

**CỦA BỘ LAO ĐỘNG –
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

6/2021

GIỚI THIỆU CHUNG

1. Bao gồm 02 nội dung chính: (i) Phần I - **Danh mục các đối tượng** thường chịu tác động bởi các chính sách thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ LĐTBXH; và (ii) Phần II - **Danh mục các vấn đề xã hội và giới** thường chịu tác động bởi các chính sách thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ LĐTBXH. Các danh mục trong mỗi Phần được xây dựng trên cơ sở rà soát, tổng hợp khung chính sách và pháp luật hiện hành trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ LĐTBXH.
2. Mỗi phần đều bao gồm các nội dung: (i) Mục đích, phương pháp xây dựng Danh mục; (ii) Hướng dẫn sử dụng Danh mục; (iii) 11 Danh mục cụ thể tương ứng với 11 lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ LĐTBXH.
3. Ngoài ra còn bao gồm 04 Phụ lục: (i) Phụ lục I là Bảng so sánh Danh mục tham chiếu với Sổ tay ĐGTD xã hội và giới; (ii) Phụ lục II đưa ra ví dụ về việc áp dụng Danh mục tham chiếu trong quá trình xây dựng Báo cáo ĐGTD chính sách; (iii) Phụ lục III là những văn bản quy phạm pháp luật là căn cứ xây dựng các Danh mục - trong quá trình tham chiếu để ĐGTD, đơn vị thực hiện ĐGTD phát hiện các văn bản quy phạm pháp luật theo Phụ lục III có thay đổi thì cần cập nhật nội dung tương ứng tại văn bản thay đổi ở trong mỗi Danh mục; (iv) Phụ lục IV liệt kê các tài liệu hữu ích cho công tác ĐGTD chính sách.

DANH MỤC ĐỐI TƯỢNG CHỊU TÁC ĐỘNG

1. *Danh mục các đối tượng thường chịu tác động bởi các chính sách thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ LĐTBXH (gọi tắt là Danh mục đối tượng chịu tác động) được xây dựng với mục tiêu giúp các cán bộ của Bộ LĐTBXH thuận tiện hơn trong việc xác định các đối tượng chịu tác động của chính sách, rút ngắn thời gian xác định đối tượng chịu tác động, đồng thời hạn chế khả năng bỏ sót các đối tượng có khả năng chịu tác động bởi chính sách, đặc biệt là các nhóm yếu thế.*
2. Danh mục đối tượng chịu tác động được xây dựng theo 11 lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ LĐTBXH. Theo đó, mỗi một Danh mục trong một lĩnh vực được xây dựng trên cơ sở tổng hợp các đối tượng chịu sự điều chỉnh của các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực tương ứng, được chia thành các nhóm đối tượng có đặc điểm tương đồng. Các Danh mục đối tượng chịu tác động được xây dựng dưới dạng bảng liệt kê để gợi ý người thực hiện ĐGTD chính sách xác định các đối tượng dự kiến chịu tác động của chính sách (do các Danh mục được xây dựng căn cứ vào hệ thống văn bản pháp luật có hiệu lực vào thời điểm xây dựng Danh mục). Trong trường hợp chính sách, pháp luật có thay đổi hoặc dự thảo chính sách mới có làm phát sinh các đối tượng, chủ thể mới, mối quan hệ xã hội mới, người thực hiện ĐGTD chính sách có thể sửa đổi, bổ sung các Danh mục này để đảm bảo bao quát hết các đối tượng chịu tác động.

VÍ DỤ DANH MỤC ĐỐI TƯỢNG CHỊU TÁC ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG (1)

CÁC ĐỐI TƯỢNG CÓ KHẢ NĂNG CHỊU TÁC ĐỘNG		CÓ HAY KHÔNG CHỊU TÁC ĐỘNG	
		Có	Không
1.	NLĐ		
1.1.	NLĐ làm việc tại doanh nghiệp Việt Nam, bao gồm cả doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các tổ chức ngoài công lập (bao gồm tổ chức có yếu tố nước ngoài)		
1.2.	NLĐ làm việc tại hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình (nhưng không bao gồm NLĐ giúp việc gia đình)		
1.3.	NLĐ làm việc theo chế độ hợp đồng lao động tại các cơ quan nhà nước, bao gồm các tổ chức sự nghiệp và tổ chức chính trị xã hội		
1.4.	NLĐ là người giúp việc gia đình		
1.5.	NLĐ thuê lại		
1.6.	NLĐ giao kết hợp đồng lao động với nhiều NSDLĐ		
1.7.	NLĐ nước ngoài làm việc tại Việt Nam		
1.8.	Một số nhóm NLĐ đặc thù: Lao động nữ, lao động là người khuyết tật, NLĐ cao tuổi, lao động chưa thành niên.		
2.	NSDLĐ		
2.1.	NSDLĐ là doanh nghiệp Việt Nam, bao gồm cả doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các tổ chức ngoài công lập (bao gồm tổ chức có yếu tố nước ngoài)		
2.2.	NSDLĐ là hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình		
2.3.	NSDLĐ là các cơ quan nhà nước, bao gồm các tổ chức sự nghiệp và tổ chức chính trị xã hội		
2.4.	NSDLĐ có thuê mướn, sử dụng lao động là người giúp việc gia đình theo hợp đồng lao động		
2.5.	Doanh nghiệp cho thuê lại lao động và bên thuê lại lao động		

VÍ DỤ DANH MỤC ĐỐI TƯỢNG CHỊU TÁC ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG (2)

	CÁC ĐỐI TƯỢNG CÓ KHẢ NĂNG CHỊU TÁC ĐỘNG	CÓ HAY KHÔNG CHỊU TÁC ĐỘNG	
		Có	Không
3.	Tổ chức đại diện NLĐ và NSDLĐ		
3.1.	Tổ chức đại diện NLĐ các cấp (VD: Tổ chức công đoàn các cấp, tổ chức của NLĐ tại doanh nghiệp)		
3.2.	Tổ chức đại diện NSDLĐ (VD: Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam...)		
4.	Cơ quan quản lý nhà nước về lao động và tiền lương		
4.1.	Bộ LĐTBXH, Sở LĐTBXH, Phòng LĐTBXH		
5.	Đối tượng khác có liên quan		
5.1.	Người học nghề, người tập nghề		
5.2.	Người làm việc không có quan hệ lao động		
5.3.	Cơ quan BHXH		
5.4.	Hội đồng tiền lương quốc gia		
5.5.	Công chức, viên chức		
5.6.	Người quản lý, người đại diện vốn nhà nước, cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước		
5.7.	Hòa giải viên lao động		
5.8.	Trọng tài viên lao động		
5.9.	Toà án		
5.10.	Trẻ em, người già, người phụ thuộc của NLĐ		

DANH MỤC VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. *Danh mục các vấn đề xã hội và giới thường chịu tác động bởi các chính sách thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ LĐTBXH* (gọi tắt là Danh mục vấn đề xã hội) được xây dựng với mục tiêu giúp các cán bộ Bộ LĐTBXH thuận tiện hơn trong việc xác định các khía cạnh xã hội chịu tác động của chính sách, rút ngắn thời gian ĐGTD về xã hội và giới của chính sách, đồng thời hạn chế khả năng bỏ sót các tác động tới một số nhóm đối tượng đặc thù như các nhóm yếu thế.
2. Danh mục vấn đề xã hội được xây dựng theo 11 lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ LĐTBXH. Mỗi một Danh mục trong một lĩnh vực quản lý nhà nước bao gồm nhiều chỉ tiêu ĐGTD xã hội được phân loại theo 13 khía cạnh tác động xã hội gồm: (i) Dân số; (ii) Việc làm; (iii) Tài sản; (iv) Sức khỏe; (v) Môi trường; (vi) Y tế; (vii) Giáo dục; (viii) Di lại; (ix) Giảm nghèo; (x) Giá trị văn hoá truyền thống; (xi) Gắn kết cộng đồng xã hội; (xii) Chính sách dân tộc; (xiii) Các vấn đề khác. Việc ĐGTD về giới thực chất được lồng ghép trong quá trình ĐGTD nói chung và ĐGTD về xã hội nói riêng.
3. Các chỉ tiêu ĐGTD xã hội được xây dựng trên cơ sở tổng hợp các nguyên tắc, chính sách, mục tiêu phát triển trong lĩnh vực quản lý nhà nước tương ứng. Không phải bất kỳ chính sách nào cũng sẽ có tác động đến cả 13 khía cạnh; trong một số Danh mục sẽ có những khía cạnh chưa có các chỉ tiêu tác động cụ thể, tuy nhiên không đồng nghĩa với việc tất cả các chính sách trong lĩnh vực đó đều không có tác động về khía cạnh này.

VÍ DỤ DANH MỤC ĐỐI TƯỢNG CHỊU TÁC ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC VIỆC LÀM (1)

LĨNH VỰC TÁC ĐỘNG	CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG	CÓ HAY KHÔNG CHỊU TÁC ĐỘNG		NẾU CÓ, TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC HAY TIÊU CỰC	
		Có	Không	Tích cực	Tiêu cực
1. Dân số	Phát triển, phân bố nguồn nhân lực; phân bố hợp lý lao động theo vùng				
2. Việc làm	Bảo đảm quyền làm việc, tự do lựa chọn việc làm và nơi làm việc				
	Tạo điều kiện thuận lợi đối với hoạt động tạo việc làm, tự tạo việc làm, dạy nghề và học nghề để có việc làm				
	Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tích cực				
	Không phân biệt đối xử trong việc làm và nghề nghiệp				
	Tạo việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm tốt cho tất cả nam và nữ, bao gồm cả thanh niên, người khuyết tật				
	Giảm tỷ lệ thất nghiệp, tỷ lệ thiếu việc làm, tỷ lệ thanh niên không có việc làm				
	Ưu đãi đối với ngành, nghề sử dụng lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, các ngành tạo giá trị tăng cao, sử dụng nhiều lao động				
	Hỗ trợ khởi sự doanh nghiệp, lập nghiệp				
	Tăng tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp				
	Tăng tỷ lệ NLD đang tham gia bảo hiểm thất nghiệp được hỗ trợ đào tạo để duy trì việc làm				
	Tư vấn, giới thiệu việc làm miễn phí cho người thất nghiệp				
	Thúc đẩy dịch chuyển lao động Việt Nam ở thị trường lao động trong và ngoài nước, phù hợp với xu hướng hội nhập quốc tế và bảo đảm thực hiện những cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên				
	Nâng cao hiệu quả kết nối cung - cầu lao động; nâng cao năng lực hệ thống trung tâm dịch vụ việc làm; nâng cao chất lượng dịch vụ việc làm				
	Hoàn thiện và hiện đại hoá hệ thống thông tin thị trường lao động				

VÍ DỤ DANH MỤC ĐỐI TƯỢNG CHỊU TÁC ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC VIỆC LÀM (2)

LĨNH VỰC TÁC ĐỘNG	CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG	CÓ HAY KHÔNG CHỊU TÁC ĐỘNG		NẾU CÓ, TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC HAY TIÊU CỰC	
		Có	Không	Tích cực	Tiêu cực
3. Tài sản	Bình đẳng về thu nhập; đảm bảo thù lao ngang bằng đối với các loại công việc như nhau giữa lao động nam, nữ, bao gồm cả NLD là thanh niên, người khuyết tật				
	Tài sản của NLD, NSDLĐ không bị xâm phạm				
	Hỗ trợ tín dụng tạo việc làm, đặc biệt là hỗ trợ vay vốn đối với các nhóm lao động yếu thế (như lao động là người khuyết tật); các dự án khởi sự doanh nghiệp, phát triển sản xuất kinh doanh của thanh niên; cho vay để thực hiện các chương trình, dự án giải quyết việc làm cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, lao động thuộc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp, lao động nữ nông thôn				
	Tăng tỷ lệ người thất nghiệp được nhận trợ cấp thất nghiệp				
4. Sức khỏe	Đảm bảo việc làm an toàn, cải thiện điều kiện làm việc cho NLD				
5. Môi trường	Không rõ ràng về chỉ tiêu ĐGTD. Có thể sẽ phát sinh tác động với một số chính sách liên quan đến việc làm xanh...				
6. Y tế	Không rõ ràng về chỉ tiêu ĐGTD. Có thể sẽ phát sinh tác động với một số chính sách về chăm sóc y tế cho NLD...				
7. Giáo dục	Đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia gắn với việc nâng cao trình độ kỹ năng nghề				
8. Đi lại	Không rõ ràng về chỉ tiêu ĐGTD. Có thể sẽ phát sinh tác động với một số chính sách về quy hoạch mạng lưới các trung tâm dịch vụ việc làm...				
9. Giảm nghèo	Hỗ trợ tạo việc làm cho phụ nữ nghèo nông thôn				
	Hỗ trợ chuyển dịch việc làm đối với NLD ở khu vực nông thôn				
	Hỗ trợ lao động di cư từ nông thôn ra thành thị, các khu công nghiệp và lao động vùng biên				
	Thúc đẩy chính sách việc làm công, trong đó ưu tiên NLD là người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp				

VÍ DỤ DANH MỤC ĐỐI TƯỢNG CHỊU TÁC ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC VIỆC LÀM (3)

LĨNH VỰC TÁC ĐỘNG	CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG	CÓ HAY KHÔNG CHỊU TÁC ĐỘNG		NẾU CÓ, TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC HAY TIÊU CỰC	
		Có	Không	Tích cực	Tiêu cực
10. Giá trị văn hoá truyền thống	Hỗ trợ NSDLĐ sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật, lao động nữ				
11. Gắn kết cộng đồng, xã hội	Khuyến khích sự tham gia của xã hội để phát triển việc làm thông qua việc huy động và đa dạng hóa các nguồn lực; xã hội hóa dịch vụ công; mở rộng sự tham gia của cộng đồng, các tổ chức xã hội và cá nhân trong phát triển thị trường lao động				
12. Chính sách dân tộc	Hỗ trợ NSDLĐ sử dụng nhiều lao động là người DTTS				
	Hỗ trợ tạo việc làm cho người DTTS				
	Hỗ trợ vay vốn cho NLĐ là người DTTS				
	Thúc đẩy chính sách việc làm công, trong đó ưu tiên NLĐ là người DTTS				
13. Các lĩnh vực khác	Bảo đảm danh dự, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp của NLĐ, NSDLĐ				
	Nâng cao chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người tham gia bảo hiểm thất nghiệp				
	Kết nối, chia sẻ, liên thông dữ liệu về bảo hiểm thất nghiệp giữa cơ quan lao động và cơ quan BHXH, giữa các cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, tài chính, thuế, lao động để nâng cao hiệu quả quản lý và thực thi chính sách bảo hiểm thất nghiệp				

DANH MỤC KIỂM TRA



NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG
XÃ HỘI VÀ GIỚI TRONG BẢO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH



6/2021

PHẦN II - DANH MỤC KIỂM TRA

GIỚI THIỆU CHUNG

1. Danh mục kiểm tra là một công cụ giúp các cán bộ pháp chế thuộc Vụ Pháp chế - Bộ LĐTBXH trong việc xem xét, đánh giá chất lượng của các Báo cáo ĐGTĐCS (trọng tâm vào các nội dung ĐGTĐ xã hội và giới) do các đơn vị khác thuộc Bộ LĐTBXH hoặc các bộ, ngành khác xây dựng. Trọng tâm của Danh mục kiểm tra là các nội dung có liên quan đến ĐGTĐ xã hội và giới, mà không bao gồm các câu hỏi kiểm tra đặc thù với các nội dung ĐGTĐ khác (kinh tế, TTHC và hệ thống pháp luật).
2. Danh mục kiểm tra được xây dựng trên cơ sở rà soát các quy định pháp luật về yêu cầu ĐGTĐCS từ giai đoạn bắt đầu xây dựng Báo cáo ĐGTĐCS đến khi hoàn thiện Báo cáo ĐGTĐCS sau tham vấn, nếu có. Các câu hỏi được đưa ra trong Danh mục kiểm tra đều có cơ sở pháp lý rõ ràng. Các nội dung kiểm tra chất lượng của Báo cáo ĐGTĐCS là những tiêu chuẩn tối thiểu để đảm bảo sự phù hợp của các Báo cáo ĐGTĐCS với quy định pháp luật hiện hành. Danh mục kiểm tra cũng cần được cập nhật, sửa đổi, bổ sung theo sự thay đổi của các quy định pháp luật có liên quan trong tương lai, nếu phát sinh.
3. Danh mục kiểm tra tham chiếu đến một số tài liệu hướng dẫn ĐGTĐ, bao gồm Sổ tay ĐGTĐ xã hội và giới của Bộ LĐTBXH, Tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ đánh giá tác động của chính sách của Bộ Tư pháp - các tài liệu rất có ý nghĩa trong việc đưa ra các gợi ý, hướng dẫn cho người sử dụng để trả lời các câu hỏi có trong Danh mục kiểm tra.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TÀI LIỆU

1. Danh mục kiểm tra bao gồm 20 câu hỏi ở dạng câu hỏi đóng, được đánh số và trình bày ở định dạng VIẾT HOA và **IN ĐẬM**. Người sử dụng Danh mục kiểm tra trả lời lần lượt các câu hỏi chính bằng cách tích vào các phương án “Có” / “Không” / “Chưa” / “Tương đối” / “Đạt yêu cầu”... Để hiểu rõ về nội hàm của câu hỏi và chắc chắn hơn trong việc kết luận lựa chọn phương án, người sử dụng nên đọc phần Cơ sở pháp lý và Gợi ý dưới mỗi câu hỏi.
2. Trong đa số trường hợp, Danh mục kiểm tra sẽ yêu cầu người sử dụng giải thích rõ lý do nếu lựa chọn phương án trả lời là “Không” / “Chưa” / “Tương đối” hoặc tương đương. Điều này là bởi các câu hỏi kiểm tra trong Danh mục kiểm tra hầu hết đều là các tiêu chuẩn bắt buộc và tối thiểu được áp dụng đối với các Báo cáo ĐGTĐCS theo quy định pháp luật hiện hành. Khi một câu hỏi được trả lời là “Không” / “Chưa” / “Tương đối” hoặc tương đương thì có khả năng đồng nghĩa với việc Báo cáo ĐGTĐCS chưa đáp ứng được một tiêu chuẩn nhất định. Do đó, người sử dụng cần chỉ rõ lý do để đảm bảo việc lựa chọn các phương án trên là có căn cứ.
3. Sau khi hoàn thành Danh mục kiểm tra, người sử dụng tổng hợp tất cả các vấn đề tồn tại của Báo cáo ĐGTĐCS, đưa ra đề xuất và khuyến nghị cho đơn vị phụ trách ĐGTĐCS nhằm hoàn thiện Báo cáo ĐGTĐCS.

20 CÂU HỎI KIỂM TRA (1)

CÂU HỎI 1: VBQPPL CÓ CÁC CHÍNH SÁCH ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ CÓ THUỘC TRƯỜNG HỢP PHẢI XÂY DỰNG BÁO CÁO ĐGTĐCS HAY KHÔNG?

CÂU HỎI 2: BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ NHẬN DIỆN ĐƯỢC CÁC VẤN ĐỀ BẤT CẬP HAY KHÔNG, ĐẶC BIỆT TỪ KHÍA CẠNH XÃ HỘI VÀ GIỚI?

CÂU HỎI 3: BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ XÁC ĐỊNH ĐƯỢC CÁC NGUYÊN NHÂN DẪN TỚI CÁC VẤN ĐỀ BẤT CẬP HAY KHÔNG, ĐẶC BIỆT TỪ KHÍA CẠNH XÃ HỘI VÀ GIỚI?

CÂU HỎI 4: BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ XÁC ĐỊNH ĐƯỢC MỤC TIÊU GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ KHÔNG, ĐẶC BIỆT TỪ KHÍA CẠNH XÃ HỘI VÀ GIỚI?

CÂU HỎI 5: BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ XÁC ĐỊNH ĐƯỢC CÁC ĐỐI TƯỢNG CHỊU SỰ TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP CỦA CHÍNH SÁCH VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC CÓ LIÊN QUAN HAY KHÔNG?

CÂU HỎI 6: BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ XÁC ĐỊNH ĐƯỢC CÁC TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI VÀ GIỚI LÊN CÁC ĐỐI TƯỢNG CHỊU SỰ TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP CỦA CHÍNH SÁCH VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC CÓ LIÊN QUAN HAY KHÔNG?

CÂU HỎI 7: TRONG MỖI CHÍNH SÁCH, BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ GIẢI PHÁP GIỮ NGUYÊN HIỆN TRẠNG HAY KHÔNG?

20 CÂU HỎI KIỂM TRA (2)

CÂU HỎI 8: CÁC GIẢI PHÁP ĐƯỢC ĐỀ XUẤT TRONG BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ PHÙ HỢP VỚI MỤC TIÊU CỦA CHÍNH SÁCH KHÔNG, ĐẶC BIỆT TỪ KHÍA CẠNH XÃ HỘI VÀ GIỚI?

CÂU HỎI 9: BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ XÁC ĐỊNH ĐƯỢC TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC VÀ TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC, CHI PHÍ VÀ LỢI ÍCH CỦA TỪNG GIẢI PHÁP CHÍNH SÁCH HAY KHÔNG, ĐẶC BIỆT LÀ TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI VÀ GIỚI?

CÂU HỎI 10: BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ SO SÁNH TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC VÀ TIÊU CỰC, CHI PHÍ VÀ LỢI ÍCH GIỮA CÁC GIẢI PHÁP KHÔNG, ĐẶC BIỆT LÀ TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI VÀ GIỚI?

CÂU HỎI 11: CÁC GIẢI PHÁP ĐƯỢC KIẾN NGHỊ LỰA CHỌN TRONG BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ PHẢI LÀ CÁC GIẢI PHÁP TỐI ƯU ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC MỤC TIÊU CỦA CHÍNH SÁCH KHÔNG, ĐẶC BIỆT TỪ KHÍA CẠNH XÃ HỘI VÀ GIỚI?

CÂU HỎI 12: BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ XÁC ĐỊNH THẨM QUYỀN BAN HÀNH CHÍNH SÁCH?

CÂU HỎI 13: BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH LƯỢNG HAY KHÔNG?

20 CÂU HỎI KIỂM TRA (3)

CÂU HỎI 14: BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH TÍNH HAY KHÔNG?

CÂU HỎI 15: THÔNG TIN ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ CHÍNH XÁC, TRUNG THỰC HAY KHÔNG?

CÂU HỎI 16: BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ TRÍCH DẪN ĐẦY ĐỦ CÁC NGUỒN THÔNG TIN?

CÂU HỎI 17: VBQPPL CÓ CÁC CHÍNH SÁCH ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ CÓ THUỘC CÁC TRƯỜNG HỢP PHẢI LẤY Ý KIẾN ĐỐI VỚI DỰ THẢO BÁO CÁO ĐGTĐCS HAY KHÔNG?

CÂU HỎI 18: BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ NỘI DUNG VỀ VIỆC DỰ THẢO BÁO CÁO ĐGTĐCS ĐÃ ĐƯỢC LẤY Ý KIẾN THAM VẤN CHƯA?

CÂU HỎI 19: PHƯƠNG PHÁP LẤY Ý KIẾN, PHẢN HỒI, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý ĐƯỢC MÔ TẢ CÓ PHÙ HỢP HAY KHÔNG?

CÂU HỎI 20: BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ TUÂN THỦ THEO MẪU BÁO CÁO ĐGTĐCS THEO QUY ĐỊNH HAY KHÔNG?

VÍ DỤ CÂU HỎI KIỂM TRA SỐ 2

2. CÂU HỎI 2: BÁO CÁO ĐGTĐCS CÓ NHẬN DIỆN ĐƯỢC CÁC VẤN ĐỀ BẤT CẬP HAY KHÔNG, ĐẶC BIỆT TỪ KHÍA CẠNH XÃ HỘI VÀ GIỚI?

ĐÁNH GIÁ: CHƯA

TƯƠNG ĐỐI

ĐẠT YÊU CẦU

Cơ sở pháp lý: Khoản 1, Điều 5, Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định việc xác định các vấn đề cần giải quyết là một trong những hoạt động của việc xây dựng nội dung của chính sách. Trong Mẫu Báo cáo ĐGTĐCS, nội dung đầu tiên trong phần ĐGTĐCS là Xác định vấn đề bất cập (bao gồm cả mô tả thực trạng của vấn đề, phân tích các bất cập, hậu quả).

Gợi ý: Vấn đề bất cập hay vấn đề thực tiễn cần giải quyết là một hiện trạng xã hội đã và đang xảy ra hoặc có thể được dự báo sẽ xảy ra có ảnh hưởng/tác động đến đời sống, hoạt động của một hoặc một số nhóm đối tượng trong xã hội, đến tổ chức, hoạt động của cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, một vấn đề thực tiễn đòi hỏi phải được giải quyết bằng chính sách, pháp luật chỉ khi vấn đề đó có nội dung tác động và phạm vi tác động nhất định về thời gian, không gian cho các đối tượng chịu ảnh hưởng. Cũng lưu ý thêm về việc xác định vấn đề giới hoặc khía cạnh giới của vấn đề thực tiễn cần giải quyết (nếu có).

- “Chưa” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS chưa nhận diện được bất kỳ vấn đề bất cập của bất kỳ chính sách nào.
- “Tương đối” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS có nhận diện được một số vấn đề bất cập của một số chính sách, trong đó có một số phân tích về vấn đề giới.
- “Đạt yêu cầu” là trường hợp Báo cáo ĐGTĐCS có nhận diện được đầy đủ các vấn đề bất cập của tất cả chính sách, trong đó có phân tích về vấn đề giới kỹ lưỡng, thấu đáo.

Nếu CHƯA hoặc TƯƠNG ĐỐI, giải thích rõ tại sao:

.....
.....

Khuyến nghị:

.....
.....

DANH MỤC KIỂM TRA



NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG
XÃ HỘI VÀ GIỚI TRONG BẢO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH



6/2021

PHẦN III – CASE STUDY ÁP DỤNG DANH MỤC KIỂM TRA



Microsoft Word
Document

nh**quang**&associates



CẢM ƠN